| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH TƯỜNG**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2022/DSST
Ngày 20 tháng 9 năm 2022
*V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà:*Ông Đỗ Thành Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Duy Lục, ông Phùng Văn Thông

*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nhung –Thư ký Tòa.

*Đại diện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1987, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn QC, xã TC, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1990 (vợ anh L); theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2022; địa chỉ: thôn QC, xã TC, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

*Bị đơn:* Bà Đặng Thị M, sinh năm 1968, vắng mặt.

Nơi cư trú: Ngõ 19, khu 2, xã Đ2, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn (anh Nguyễn Ngọc L) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nhung trình bày*:

Anh L và bà Đặng Thị M có mối quan hệ quen biết với nhau do từ năm 2010 từng làm việc tại bến phà Vĩnh Thịnh. Ngày 13/5/2019, bà M vay anh L số tiền 100.000.000đồng để làm ăn. Khi vay bà M có viết giấy vay tiền và hẹn sau 01 tháng kể từ ngày viết giấy sẽ trả đủ số tiền vay cho anh. Do mối quan hệ quen biết nên anh và bà M không thỏa thuận tính lãi đối với số tiền vay.

Tuy nhiên, sau đó đã quá thời hạn bà M cam kết trả nợ nhưng vẫn không trả được cho anh đồng nào. Đến ngày 29/12/2020, bà M trả cho anh 19.000.000đ tiền gốc, số còn lại là 81.000.000đ đến nay chưa trả. Mặc dù anh đã đôn đốc nhiều lần, nhưng bà M vẫn không thanh toán, trả cho anh số tiền nào.

Việc vay tiền giữa anh và bà M là do anh thực hiện và cho vay, đây là khoản tiền riêng của anh, không liên quan đến vợ con anh hay ai khác (vợ anh L là chị Nguyễn Thị Nhung xác nhận nội dung này).

Anh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M:

- Phải trả cho anh số tiền gốc là 81.000.000đ.

-Trả cho anh tiền lãi của 100.000.000đ, tính từ 14/6/2019 đến hết 29/12/2020 (18 tháng 15 ngày), lãi suất là 6%/01 năm (0,5%/01 tháng) là 9.249.666đ, chỉ tính là 9.000.000đ.

-Trả cho anh tiền lãi của 81.000.000đ, tính từ 30/12/2020 đến hết ngày 20/9/2022 (20 tháng 21 ngày), lãi suất là 6%/01 năm (0,5%/01 tháng) là hơn 8.000.000đ, chỉ tính là 3.000.000đ.

Tổng gốc và lãi, yêu cầu trả cho anh số tiền 93.000.000đ.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

*Bị đơn là bà Đặng Thị M vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng trong bản lời khai ngày 03/6/2022 trình bày*:

Bà thừa nhận bà và anh L có mối quan hệ quen biết với nhau do từng làm việc cùng nhau ở bến phà Vĩnh Thịnh. Năm 2019, do cần tiền để làm ăn nên bà vay anh L số tiền 100.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận. Khi vay, bà có viết Giấy vay tiền cho anh L. Bà thừa nhận nội dung chữ viết, chữ ký tại Giấy vay tiền ngày 13 tháng 5 năm 2019 là do bà viết. Việc vay tiền là do bà đứng ra vay và sử dụng, không liên quan gì đến chồng con bà.

Sau khi ký Giấy vay tiền cho anh L, bà đã được nhận đủ số tiền vay 100.000.000 đồng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho anh L được hai lần, mỗi lần 15.000.000đồng, do thời điểm đó anh L tính lãi là 5000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tuy nhiên, tiền lãi và lãi suất bà không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Khoảng cuối năm 2020, bà có trả cho anh L được 19.000.000đ tiền nợ gốc và từ đó đến nay do điều kiện khó khăn nên bà không trả được đồng nào cho anh L nữa. Bà cũng nhiều lần nói chuyện với anh L về việc cho thời gian để trả nợ dần nhưng anh L không đồng ý.

Nay anh L khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho anh L tổng số tiền 93.000.000đồng (trong đó, nợ gốc là 81.000.000đồng, nợ lãi là 12.000.000đồng), quan điểm bà nhất trí trả nợ nhưng do điều kiện nên bà đề nghị được trả nợ dần.

***Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự (còn vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm).

- Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 166, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đặng Thị M phải trả cho anh Nguyễn Ngọc L tổng số tiền 93.000.000đồng (trong đó, nợ gốc là 81.000.000đồng, nợ lãi là 12.000.000đồng).

Về án phí: bà M phải chịu nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Ngọc L khởi kiện bà Đặng Thị M yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ2, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là bà Đặng Thị M lần thứ hai nhưng bà M vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự xác nhận được mối quan hệ quyen biết, việc vay nợ, số tiền vay nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán nợ, theo đó:

Bà M và anh L đều xác nhận có mối quan hệ quen biết, là đồng nghiệp cũ cùng làm việc với nhau tại bến phà Vĩnh Thịnh từ năm 2010. Các bên cũng xác nhận việc bà M vay anh L số tiền 100.000.000đ (việc vay nợ có lập văn bản, có chữ ký của các bên); các bên cũng xác nhận việc vay nợ là giữa hai cá nhân với nhau, không liên quan đến vợ chồng hay các thành viên khác; các bên cũng xác nhận việc số tiền gốc và lãi đến nay phải trả là 93.000.000đ (trong đó 81.000.000đ tiền gốc; 12.000.000đ tiền lãi).

Tuy nhiên, bà M muốn kéo dài thời gian trả nợ, muốn trả dần nhưng anh L yêu cầu bà M phải thanh toán đủ và kịp thời cho anh. Việc bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh L, do vậy, HĐXX cần buộc bà M phải thanh toán đủ cho anh L số tiền gốc và lãi là 93.000.000đ.

Đối với nội dung bà M trình bày: Quá trình vay, anh L yêu cầu về lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày và bà đã trả được hai lần tiền lãi với tổng số tiền 30.000.000đ cho anh L; tuy nhiên bà M không có tài liệu, chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án và phía nguyên đơn không thừa nhận về nội dung này; bà M cũng không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp thuận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn là bà Đặng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5% x 93.000.000đồng = 4.650.000đồng.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 166, Điều 280, Điều 357, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc L về việc yêu cầu bà Đặng Thị M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay (tiền gốc và tiền lãi), cụ thể như sau:

Buộc bà Đặng Thị M phải trả cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 93.000.000đ (trong đó tiền gốc là 81.000.000đ, tiền lãi là 12.000.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, và anh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M không trả đủ khoản tiền 93.000.000đ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 2.300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0005450 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Buộc bà Đặng Thị M phải chịu nộp án phí sơ thẩm là 4.650.000đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- *VKSND huyện Vĩnh Tường;*
- *THADS huyện Vĩnh Tường;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS + VP.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đỗ Thành Công**